

Tập 224

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm bốn mươi một.

(Sớ) Phục hữu tam nghĩa, văn thuyết Phật danh, tâm bất nghi nhị, thị chi vị Tín. Tín dĩ nhi chấp, tâm khởi nhạo dục, thị chi vị Nguyện. Nguyện dĩ nhi trì, tâm cần tinh tấn, thị chi vị Hạnh.

(疏)復有三義，聞說佛名，心不疑貳，是之謂信；信已而執，心起樂欲，是之謂願；願已而持，心勤精進，是之謂行。

(Sớ: Lại có ba nghĩa: Nghe nói danh hiệu Phật, tâm chẳng nghi ngờ, đó gọi là Tín. Tín rồi giữ lấy, dấy lòng ưa thích, đó gọi là Nguyện. Nguyện rồi vâng giữ, tâm siêng năng, tinh tấn, đó gọi là Hạnh).

Trong Tịnh Tông, Tín Nguyện Hạnh vô cùng trọng yếu. Đây chính là ba điều kiện tu học trong Tịnh Tông, thiếu khuyết một điều sẽ chẳng thể vãng sanh. Câu Phật hiệu trọn đủ Tín Nguyện Hạnh. “*Văn thuyết Phật danh*” (Nghe nói danh hiệu Phật), nghe danh hiệu thì một là [nghe] Phật hiệu, hai là [nghe] kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ, [cùng với] kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Ba kinh ấy đều dạy chúng ta chuyên tu Tịnh nghiệp. Sau khi đã nghe, trong tâm quyết định chẳng ngờ vực, đó mới là Tín.

Tín hết sức khó, rất chẳng dễ dàng. Chúng tôi tu học pháp môn này, học rất nhiều năm, thậm chí tín tâm vẫn chưa kiến lập. Tôi xuất gia năm Dân Quốc 48 (1959), năm Dân Quốc 50 (1961) thọ giới. Sau khi thọ giới, đến Đài Trung bái tạ thầy Lý, gặp mặt, câu đầu tiên thầy bảo tôi “*phải tin Phật*”. Tôi học Phật đã nhiều năm như vậy, vừa xuất gia bèn dạy tại Phật học viện, lại đã thọ đại giới, có sao thầy còn bảo tôi “*phải tin Phật*”? Lão nhân gia giải thích: “*Tin Phật hết sức khó khăn, có nhiều kẻ xuất gia suốt một đời mãi cho đến khi già chết vẫn chẳng tin Phật. Nếu tin Phật, có sao bị đọa trong ba ác đạo? Đã tin Phật, lẽ nào tạo ác nghiệp? Chỉ có kẻ không tin Phật mới đọa trong tam đồ, mới tạo ác nghiệp!*” Do vậy, tin Phật hết sức khó khăn!

“*Tâm bất nghi nhị*” (Tâm chẳng nghi ngờ, tán loạn). “*Nhị*” (貳) là tam tâm nhị ý, tâm chẳng chuyên nhất. “*Nghi*” (疑) là có lòng hoài nghi, tín tâm chẳng thanh tịnh, đều chẳng gọi là Tín. Vì thế, nhất định phải đạt được “*chẳng nghi ngờ, chẳng xen tạp*”. Nói thật ra, “*bất nhị*” (不貳) là

không xen tạp. Không hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp thì mới thật sự là Tín. Không chỉ xen tạp pháp thế gian bèn chẳng phải là Tín, tức là xen tạp danh vọng, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, thị phi, nhân ngã trong pháp thế gian, quý vị xen tạp những thứ ấy sẽ chẳng gọi là Tín. Xen tạp Phật pháp cũng chẳng phải là Tín. Ta niệm Phật lại muốn tham Thiên, lại toan trì chú, lại muốn nghiên cứu kinh giáo, đều chẳng gọi là Tín, mà là tạp loạn! Do vậy có thể biết, phải chuyên ròng thì mới là Tín. Chẳng chuyên ròng, chẳng thể gọi là Tín được! Chúng tôi giảng kinh, giảng rất nhiều năm tại đạo tràng này, người nghe đông ngàn ấy, tin tưởng có mấy ai? Nói thật ra, mười người hoặc tám người là đã khá quá rồi! Người đã tin chẳng có ai không nghiêm túc tu hành, người đã tin không ai chẳng vãng sanh. Nhất định phải biết: Đại đa số là “*một phen thoảng nghe qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo*” mà thôi, chẳng thể thành tựu trong một đời này. Kẻ nghe xong chẳng tin tưởng, dầu chẳng tin tưởng cũng đến nghe giảng hằng ngày, ít nhiều cũng có đôi chút thiện căn, nhưng thiện căn chưa chín muồi!

“*Tín dĩ nhi chấp*” (Đã tin tưởng bèn giữ lấy), sau khi đã tin bèn giữ lấy. “*Chấp*” (執) là nắm thật chặt, chẳng khinh thường bỏ qua. “*Tâm khởi nhạo dục*” nghĩa là thật sự sanh khởi tâm hoan hỷ. “*Nhạo*” (樂) là yêu thích, “*dục*” (欲) là mong cầu. Ta hết sức hoan hỷ cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu đối với thế giới Tây Phương, thế giới Sa Bà và các thế giới của mười phương chư Phật đều chưa hiểu rõ ràng, làm sao có thể sanh tâm hoan hỷ đối với thế giới Tây Phương? Do đó, tâm nguyện “nguyện sanh Tây Phương” chẳng dễ dàng sanh khởi. Làm thế nào thì mới có thể hiểu rõ nó? Nói chung là có hai loại, trong quá khứ đã gieo thiện căn rất lớn chính là nhân, hai thứ duyên bất đồng:

1) Một loại duyên là trong lúc phải hứng chịu những nỗi khổ sở to lớn trong đời người, hoặc lúc gặp phải kiếp nạn to lớn, nghe nói có một nơi như thế, điều gì cũng chẳng nghĩ tới, thật thà nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

2) Loại kia là người thông Tông thông Giáo, thấu triệt nhuần nhuyễn kinh luận, hiểu rõ các nhân quả trong thế giới Sa Bà, đối với các thế giới của mười phương chư Phật và thế giới Tây Phương cũng hiểu rõ, chẳng phải là chọn lựa tùy tiện, mà là dùng trí huệ để chọn lựa dứt khoát.

Chúng ta đọc kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, thấy phu nhân Vi Đề Hy chọn lựa Tây Phương Cực Lạc thế giới khi gặp đại nạn, con cái bất hiếu, giết cha, giết mẹ, gặp nạn như vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật triển hiện mười phương thế giới chư Phật trước mặt bà ta, để bà ta tự xem. Sau khi

xem trọn khắp, bà chọn lựa Tây Phương Cực Lạc thế giới. Có thể thấy là nguyện này chẳng dễ phát!

Một số người thường nói, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nguyện ấy là đạo tâm [mong manh] như sương buổi sáng, vô dụng, chẳng phải là chân tâm thành ý, mà là giả tâm, nói suông ngoài miệng mà thôi. Thành tâm thành ý, thái độ xử sự làm người sẽ hoàn toàn khác hẳn, chẳng có tâm so đo hết thảy thị phi nhân ngã trong thế gian. Người ấy nhất tâm nhất ý chuyên cầu Tịnh Độ, luôn sợ chẳng kịp thời gian, chẳng đủ dùng, còn có thời gian nào để lo chuyện thị phi nhân ngã chi nữa! Đối với hết thảy sự, hết thảy người, hết thảy vật trong thế gian, người ấy đều chẳng quan tâm cho mấy. Hằng ngày mặc áo, ăn no, có thời gian niệm Phật, đủ rồi! Vui sướng khôn sánh! Hễ còn toan làm chuyện thị phi nhân ngã, tiếng tăm, lợi dưỡng, nguyện ấy giả trá. Nói cách khác, chưa nhận thức rõ rệt! Do vậy có thể biết, giảng kinh thuyết pháp là Tăng Thượng Duyên rất trọng yếu. Khá nhiều người giác ngộ nhờ kinh giáo nên mới thật sự phát nguyện. Đã thật sự phát nguyện, không chỉ là bỏ sạch pháp thế gian, mà còn cư xử tốt đẹp đối với đại chúng trong thế gian. Chúng ta ở chung với nhau, nếu cư xử không tốt, tôi liền tránh đi. Tôi cũng chẳng để quý vị xua đuổi, tự mình bỏ đi, vì sao? Đối với hết thảy người, hết thảy sự, hết thảy vật, quyết định chẳng lưu luyến, đó là nguyện sanh Tịnh Độ chân chánh. Vì lẽ này, nghiên cứu giáo lý thật sự thấu triệt, nhất định là “vạn duyên buông xuống” ngay cả Phật pháp cũng buông xuống. Giống như Liên Trì đại sư hoặc Ngẫu Ích đại sư đến tuổi xế chiều, đã triệt để giác ngộ, chỉ có một bộ kinh A Di Đà, một câu Phật hiệu. Kinh Kim Cang nói: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (Pháp còn nên bỏ, huống gì phi pháp).

Một người thật sự tu hành, phải nhớ kỹ những giáo huấn trong kinh. Người khác tán thán chúng ta, ắt cũng chẳng hoan hỷ. Giả trá! Kẻ khác hủy báng, lăng nhục chúng ta, cũng chẳng cần tức giận. Giả trá! Thấy đều là giả trá, chẳng có gì là thật. Nếu quý vị coi đó là thật, sẽ bị thua thiệt, mắc lừa, sai lầm đặc biệt to lớn! Chỉ có một câu Phật hiệu là thật, trong mười hai thời, niệm niệm chẳng quên! Thế gian này chẳng có gì đáng để tranh giành, thứ gì cũng đều chẳng mang theo được. Hơi chẳng cẩn thận, tội nghiệp đầy thân! Vì sao một người suốt cả một đời cứ phải tạo tội nghiệp? Do những tội nghiệp ấy, ắt đọa tam đồ, người ấy tu tam ác đạo. Hạng người như vậy ngu si, đáng thương. Bạc thiện nhân quân tử trong thế gian chú trọng quan niệm đạo đức, đó là tu ba thiện đạo. Người niệm Phật chúng ta nếu chẳng cầu sanh Tịnh Độ, dấu giới luật tinh nghiêm, trọn đủ Ngũ Đức và Lục Hòa, vẫn là ba thiện đạo, chẳng thể thoát khỏi tam

giới. Do vậy có thể biết: Trong một đời này, nếu muốn thoát khỏi tam giới, liễu sanh tử, thành tựu trong một đời, trừ pháp môn này ra, chẳng có pháp môn thứ hai!

Đối với kinh Di Đà, ắt cần phải có Sớ Sao và Yếu Giải thì chúng ta mới thật sự hiểu sự bác đại tinh thâm (rộng lớn, tinh vi, sâu xa) của kinh. Kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ nói rất rõ ràng, chẳng cần đọc chú giải, vẫn có thể chiếu kiến để xét coi khởi tâm động niệm của chính mình có giống như trong kinh hay không. Vì thế, tôi khuyên các đồng học, trong giai đoạn thứ nhất, trước hết là phải niệm thuộc lòng. Kinh chẳng niệm thuộc lâu, chẳng thể nói tới chuyện tu hành được! Nếu kinh đã thuộc lâu, trong tâm chúng ta dấy một niệm, sẽ nghĩ trong kinh có [chấp nhận] niệm ấy hay không? Ta có nên dấy lên niệm ấy hay không? Giáo huấn trong kinh điển là tiêu chuẩn để tu hành. Kinh chẳng thuộc, quý vị khởi tâm động niệm bèn chẳng có tiêu chuẩn. Chẳng có tiêu chuẩn thì tu bằng cách nào? Chẳng tu được! Đây là lý do vì sao tôi dạy quý vị phải niệm kinh cho thuần thục. Nói cách khác, quý vị có mong vãng sanh Tịnh Độ hay không? Chẳng mong thì quý vị không niệm cũng chẳng sao! Vì sao? Chẳng mong [vãng sanh Tịnh Độ], vẫn mong luân hồi trong lục đạo. Thật sự mong vãng sanh Tịnh Độ trong một đời này mà kinh chẳng thuộc thì làm sao được? Vì thế, trong tâm khởi tâm động niệm đều phải dùng kinh điển để đối chiếu: Niệm nào chẳng nên dấy lên, chớ nên dấy lên; niệm nào đáng nên dấy lên, hãy khéo dấy. “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*” (Đừng làm các điều ác, vâng làm các điều thiện), trong kinh điển, đức Phật đã dạy chúng ta như vậy. Vì thế, quý vị phải hiểu rõ thì mới có thể nắm được, nắm thật chắc!

So sánh giữa hai kinh, kinh Vô Lượng Thọ hay hơn kinh A Di Đà, [bởi lẽ], kinh văn là rất ráo, [còn những điều được trình bày ở đây] là chú giải của tổ sư. Đức Phật dạy chúng ta, “*y pháp, bất y nhân*”, kinh là pháp, chú giải là do người [đời sau] nói. Chú giải chỉ để chúng ta tham khảo, khiến cho chúng ta càng thâm nhập, thấu hiểu những ý nghĩa được bao hàm trong kinh văn, uốn nắn cách nghĩ, cách nhìn, và cách làm của chúng ta đối với người, sự, vật. “*Tu*” (修) là tu sửa, chúng ta có rất nhiều cách nghĩ, cách nhìn, cách làm sai lầm đối với người, sự, vật. Nương theo giáo huấn của đức Phật trong kinh điển để uốn nắn những sai lầm ấy thì gọi là “*tu hành*”. Do vậy, tu hành là tu ở chỗ nào? Tu nơi khởi tâm động niệm. Phàm phu chẳng thể không đọc kinh mỗi ngày. Ba ngày chẳng đọc kinh, đạo tâm thấy đều chẳng còn. Đối với phàm phu chúng ta, sức mạnh do niệm kinh tôi đa chỉ có thể giữ được ba ngày, ba ngày chẳng niệm thì thôi

rồi, phiền não tập khí, tà tri tà kiến thấy đều hiện hành. Do vậy, tu hành khó khăn, đó gọi là “*một ngày nóng, mười ngày lạnh*”.

Vì sao trong đạo tràng xưa kia, người ta thành tựu dễ dàng? Người trong đạo tràng hiện thời chẳng dễ thành tựu? Đạo tràng xưa kia buộc quý vị mỗi ngày nghe kinh trong giảng đường tám tiếng đồng hồ, mọi người cùng nhau cộng tu cũng là tám tiếng đồng hồ. Mỗi ngày mất đứt mười sáu giờ [để tu tập], đâu có muốn dấy vọng tưởng cũng chẳng có thời gian, [tu tập xong] vội vã tìm thời gian để nghỉ ngơi, ngủ nghê, dưỡng thần, chẳng có hơi sức đâu để trò chuyện. Tu hành ba năm như vậy, có hiệu quả không chỉ bằng chúng ta tu hành suốt ba mươi năm. Thông thường, tu hành chẳng ngoài một là tham Thiền, hai là niệm Phật. [Tĩnh tọa] trong Thiền Đường tám tiếng đồng hồ, hoặc niệm Phật suốt tám tiếng đồng hồ trong Niệm Phật Đường, nghe kinh suốt tám giờ nữa, còn nghiêm ngặt hơn các môn học trong nhà trường. Được hun đúc trong một thời gian dài như vậy, tập khí của mỗi người tự nhiên biến đổi. Hiện thời, chẳng có đạo tràng như vậy, chẳng có cơ hội như vậy, nhưng người thật sự dụng công vẫn có cơ hội ấy. Nay chúng ta dùng máy nghe nhạc cá nhân để mỗi ngày nghe kinh suốt tám tiếng đồng hồ cũng được! Thật sự chịu nỗ lực, không cần phải nghe tám tiếng đồng hồ, mỗi ngày có thể nghe từ bốn giờ đến sáu giờ cũng rất tốt. Niệm Phật sáu tiếng đồng hồ thì cũng dùng máy nghe nhạc cá nhân để niệm theo, có khác gì đạo tràng thời cổ? Chúng ta lợi dụng những công cụ khoa học ấy, chuyển đạo tràng về nhà của chính mình, người thuở trước chẳng có cách nào tưởng tượng chuyện này!

Nghe kinh thì nghe một bộ kinh càng nhiều lần càng hay! Năm xưa, tại Lạc Sơn Cơ (Los Angeles) có một vị cư sĩ tên là Triệu Lập Bồn nghe tôi giảng Lục Tổ Đàn Kinh và kinh Kim Cang, chỉ nghe hai bộ kinh ấy. Tôi ghé qua Los Angeles, ông ta kể với tôi đã nghe [những băng giảng ấy] hai mươi sáu lần. Tôi khuyên ông ta: “Ông hãy tiếp tục nghe không ngừng cho tới một trăm lượt”. Nay tôi nghe những đồng tu bên Los Angeles kể ông ta giảng hai bộ kinh ấy rất hay, thường có người mời ông ta giảng kinh, đã thuận thực rồi! Ông ta nói: “Suốt đời tôi chẳng học thứ gì khác, chỉ học hai bộ kinh này, thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ”. Ông này là giáo sư đại học tại Mỹ, nay đã về hưu, thật sự có thành tựu! Cổ nhân thường nói: “*Thiên hạ vô nan sự, chỉ phạ hữu tâm nhân*” (Thiên hạ chẳng có chuyện gì khó, chỉ sợ thiếu người có tâm). Người có lòng thì trong thiên hạ chẳng có chuyện gì là khó. Tín nguyện chuyên chú, chuyên ròng sẽ thành công. Do vậy, có sao chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối cứ làm những chuyện thị phi, nhân ngã, danh vọng, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần,

chẳng thể giống như cư sĩ Triệu Lập Bôn chuyên nhất nơi một bộ kinh? Tốn thời gian tám năm, ông ta đã giảng hai bộ kinh ấy rất khá. Tiếp tục nỗ lực không ngừng, trong tương lai, ông ta sẽ là người có đầy uy tín về kinh Kim Cang và Lục Tô Đàn Kinh. Vì thế, nguyện thì phải có chánh nguyện, mong cầu chánh đáng, yêu mến chánh đáng, có thể mong cầu Tịnh Độ, nguyện sanh Tây Phương, đó là thuần chánh bậc nhất.

“*Nguyện dĩ nhi trì*” (Đã nguyện bèn gìn giữ), “*trì*” (持) là bảo trì (保持: gìn giữ). Sau khi đã phát nguyện, phải có hằng tâm (tâm thường hằng), kiên nhẫn, nghị lực để gìn giữ không bị mất đi. “*Tâm cần tinh tấn*” (Tâm siêng năng, tinh tấn), một mục tiêu, một phương hướng để nỗ lực, đó là Hạnh. Ví như mỗi ngày nghe kinh này tám tiếng đồng hồ, niệm Phật tám tiếng đồng hồ, đó là Hạnh. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh bậc nhất để mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai độ chúng sanh thành Phật đạo. Từ hàng Bồ Tát trở xuống, giảng kinh thuyết pháp đều cần phải được Phật lực gia trì. Bản thân đức Phật giảng kinh thuyết pháp tất nhiên chẳng cần được gia trì. Nhưng từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy đức Thế Tôn giảng kinh Vô Lượng Thọ được A Di Đà Phật gia trì, được mười phương chư Phật Như Lai gia trì. Vì thế, Ngài dậy lên ý niệm muốn giảng bộ kinh này, thụy tướng (tướng trang nghiêm tốt lành) đặc biệt đẹp đẽ. Ngài A Nan làm thị giả của đức Phật, suốt đời chưa từng thấy tướng hảo như vậy, đó là gì? Mười phương chư Phật gia trì. Đức Phật giảng những kinh khác có hiện tượng này hay không? Quý vị hãy tra duyệt Đại Tạng Kinh, chẳng có! Quý vị bèn hiểu bộ kinh này có công đức và lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Đức Phật giảng bộ kinh này, mười phương chư Phật đều gia trì. Vì thế, đọc và thọ trì bộ kinh này, cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn! Hiện thời có chẳng ít đồng tu mỗi ngày niệm mười lượt, đó là Hạnh.

Thâm nhập một môn, càng chuyên càng hay, càng ròng càng hay. Vì hồng pháp lợi sanh, nhằm ứng phó các loại căn tánh bất đồng của chúng sanh, chúng ta phải tham khảo, xem đọc các kinh luận, đó là chuyện tất yếu. Nếu chẳng phát nguyện giảng kinh, thuyết pháp, một bộ kinh này là đủ rồi, thật sự thấu triệt một bộ kinh là được rồi! Ta vì người khác giảng kinh thuyết pháp, ta giảng bộ kinh này, nhưng người căn tánh khác biệt mong học kinh khác, ta bèn giới thiệu pháp sư khác. Vị pháp sư ấy biết giảng, thỉnh vị ấy giảng, ta chỉ biết giảng một bộ kinh này. Năm mươi ba vị thiện tri thức trong kinh Hoa Nghiêm có thái độ hồng pháp lợi sanh như thế. Thiện Tài đến tham phỏng, các Ngài nói: “Ta chỉ học một môn này. Nếu người muốn học rộng nghe nhiều, lại giới thiệu người đến tham phỏng một vị thiện tri thức khác”.

(Sao) Tín Nguyễn Hạnh, hạ văn trung dương biện.

(鈔)信願行，下文中當辯。

(Sao: Tín Nguyễn Hạnh sẽ được biện định trong phần kinh văn ở phía sau).

Ý nghĩa này hết sức sâu rộng, trong phần sau sẽ còn nói cặn kẽ, ở đây chỉ nêu đại lược mà thôi.

(Sớ) Danh hiệu giả, A Di Đà Phật tứ tự hồng danh, bất kiêm sắc tượng đẳng. Như Văn Thù Bát Nhã, cập Tỳ Bà Sa Luận trung thuyết, dĩ sắc tượng đẳng nhiếp danh trung cố.

(疏)名號者，阿彌陀佛四字洪名，不兼色像等。如文殊般若，及毗婆沙論中說，以色像等攝名中故。

(Sớ: Danh hiệu là hồng danh bốn chữ A Di Đà Phật, [pháp tu trong kinh này là chuyên chấp trì danh hiệu] chẳng kèm thêm hình sắc v.v... Như trong kinh Văn Thù Bát Nhã và luận Tỳ Bà Sa đã nói, những thứ như hình sắc v.v... đã đều được bao gồm trong danh hiệu).

Pháp môn này chuyên chú trọng trì danh, chẳng cần kèm thêm quán tưởng, niệm một câu Phật hiệu đến cùng là được rồi. Nay vì sao lại khuyên quý vị niệm kinh? Vì sao đặc biệt nhấn mạnh chuyện niệm kinh? Quý vị chẳng đủ tín tâm, nguyện tâm chẳng tha thiết; do đó mới bảo quý vị niệm kinh. Niệm kinh nhằm giúp quý vị đoạn nghi sanh tín. Còn có một ý nghĩa nữa: Nghiệp chướng quá nặng, làm thế nào để sửa lỗi đổi mới? Vì nguyên nhân này mà khuyên mọi người hãy niệm kinh. Bản thân chúng ta trong cuộc sống hằng ngày đâu biết cách nghĩ và cách làm của chính mình đều sai lầm, luôn ngỡ là rất chánh xác: “Cách nghĩ, cách nhìn, và cách làm của ta luôn đúng, còn các người sai be bét”, luôn có cách nghĩ như vậy. Đúng sai có tiêu chuẩn, tiêu chuẩn ở chỗ nào? Những điều được giảng trong kinh điển là tiêu chuẩn. Quý vị niệm nhiều, niệm thuần thực, bèn có tiêu chuẩn. Dùng tiêu chuẩn ấy để kiểm điểm hành vi trong cuộc sống của chính mình thì mới có thể phát hiện những làm lỗi nơi bản thân. Phát hiện làm lỗi nơi bản thân, đó là trí huệ, là người tự giác, tự mình đã giác ngộ. Kẻ chẳng biết làm lỗi của chính mình thì là ngu mê, ngu si, mê hoặc, điên đảo, kẻ ấy rất đáng thương! Tạo tác cái nhân trong ba ác đạo, tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo, thế mà chính mình vẫn chẳng biết, cứ ngỡ chính

mình đang học Phật, đang tu hành. Kẻ ấy hết sức đáng thương! Người thật sự niệm Phật có so đo cùng kẻ đáng thương hay chẳng? Chẳng thể nào! Chỉ có lòng thương xót kẻ ấy. Kẻ đó chấp trước kiên cố, quý vị giải thích cho kẻ đó, kẻ ấy chẳng thể tiếp nhận. Kẻ ấy vọng tưởng, chấp trước kiên cố, luôn nghĩ mình chánh xác, người khác sai lầm, thậm chí những điều đức Phật đã dạy trong kinh cũng sai tuốt luốt, chỉ có hẵn là đúng! Chúng ta thấy kẻ đó tạo cái nhân trong ba ác đạo, chẳng có cách nào cứu! Vì thế, đọc kinh, niệm thuần thực, chính mình mới có tiêu chuẩn chân thật. Tiêu chuẩn này do đức Thế Tôn và A Di Đà Phật kiến lập cho chúng ta, quyết định chẳng sai lầm. Đây là khuyên mọi người hãy đọc kinh nhằm tiêu nghiệp chướng. Đọc kinh, phải làm theo kinh thì mới có thể tiêu nghiệp chướng. Chỉ đọc suông, chẳng làm, nghiệp chướng chẳng tiêu được, chư vị phải biết điều này. Đọc kinh là dạy quý vị y giáo phụng hành. Y giáo phụng hành sẽ tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng tiêu trừ, công phu đi vào nề nếp, công phu sẽ đắc lực.

(Sao) Bất kiêm sắc tượng đẳng giả, chánh minh thử kinh chuyên chủ chấp trì danh hiệu dã. Văn Thù Bát Nhã kinh vân: “Phật cáo Văn Thù, dục nhập Nhất Hạnh tam-muội giả, ưng xử không nhân, xả chư loạn ý, bất thủ tướng mạo, hệ tâm nhất Phật, chuyên xưng danh tự, tùy Phật phương sở, đoan thân chánh hướng, năng u nhất Phật niệm niệm tương tục, tức thị niệm trung, năng kiên quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật. Niệm nhất Phật công đức, dữ niệm vô lượng Phật công đức vô nhị.

(鈔)不兼色像等者，正明此經專主執持名號也。文殊般若經云：佛告文殊，欲入一行三昧者，應處空閒，捨諸亂意，不取相貌，繫心一佛，專稱名字，隨佛方所，端身正向，能於一佛念念相續，即是念中，能見過去未來現在諸佛。念一佛功德，與念無量佛功德無二。

(Sao: “Chẳng kèm thêm hình sắc v.v...” chỉ rõ kinh này chuyên chú trọng chấp trì danh hiệu. Kinh Văn Thù Bát Nhã chép: “Đức Phật bảo ngài Văn Thù: - Người muốn nhập Nhất Hạnh tam-muội, hãy nên ở chốn thanh vắng, bỏ các ý niệm loạn động, chẳng chấp tướng mạo, chú tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu Ngài. Tùy theo nơi chốn của đức Phật [ở phương nào], mà thân hình đoan chánh hướng thẳng về đó. Có thể đối với một đức Phật niệm niệm tiếp nối thì chính ngay trong một niệm

ấy, có thể thấy chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Công đức niệm một vị Phật và công đức niệm vô lượng chư Phật chẳng hai”).

Đây là một đoạn khai thị của đức Phật trong kinh Văn Thù Bát Nhã¹. “*Nhất Hạnh tam-muội*”: Niệm Phật tam-muội còn gọi là Nhất Hạnh tam-muội.

(Diễn) Nhất Hạnh tam-muội giả, kinh vân “pháp giới nhất tướng”.

(演)一行三昧者，經云法界一相。

(Diễn: Nhất Hạnh tam-muội: Kinh nói “pháp giới một tướng”).

Tướng pháp giới là tướng bình đẳng.

(Diễn) Hệ duyên pháp giới, thị danh Nhất Hạnh tam-muội. Luận vân: “Vị nhất thiết chư Phật Pháp Thân dữ chúng sanh thân bình đẳng vô nhị, tức danh Nhất Hạnh tam-muội”.

(演)繫緣法界，是名一行三昧。論云：謂一切諸佛法身與眾生身平等無二，即名一行三昧。

(Diễn: Duyên chặt chẽ nơi một pháp giới thì gọi là Nhất Hạnh tam-muội. Luận chép: “Ý nói Pháp Thân của hết thầy chư Phật và thân chúng sanh bình đẳng, chẳng hai, nên gọi là Nhất Hạnh tam-muội”).

Trước hết, giải thích ý nghĩa của Nhất Hạnh tam-muội. Ý nghĩa được bao hàm trong danh từ này cũng là định nghĩa của danh từ. Hạnh (行) là hành vi, cũng là hoạt động. Tam-muội (Samādhi) là Chánh Thọ (正受), tức sự hưởng thụ chánh đáng. Chư vị hãy ngắm xem, Nhất Hạnh là chú trọng nơi một. “Một” có nghĩa là trong tâm quyết định chẳng khởi một niệm, tâm ấy mới là một. Khởi một niệm, sẽ chẳng phải là một. Vì sao?

¹ Kinh này có tên gọi đầy đủ là Văn Thù Sở Thuyết Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Kinh, do ngài Thích Mạn Đà La Tiên xứ Phù Nam dịch vào đời Lương. Kinh này chính là bản dịch khác của hội thứ bảy trong bộ Đại Bát Nhã Ba La Mật Kinh sáu trăm quyển do ngài Huyền Trang dịch. Về sau, kinh này được xếp thành một hội trong kinh Đại Bảo Tích. Cổ đức phán định kinh này chủ yếu dạy về Thất Tướng Niệm Phật, kiêm Trì Danh Niệm Phật. Phật môn Trung Hoa thường ghép kinh này và kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới cùng Đại Tập Hiền Hộ Phạm (còn gọi là Bát Châu Tam Muội Kinh) thành Niệm Phật Viên Đón Tam Kinh. Cả ba kinh này đã được sa-môn Thích Minh Lễ dịch ra tiếng Việt vào khoảng năm 1968.

Hữu niệm và vô niệm là hai. Thật sự là một niệm bất sanh, rõ ràng, minh bạch. Vì thế, Nhất chính là Nhất Chân pháp giới. “*Nhất thiết chư Phật Pháp Thân*” (Pháp Thân của hết thầy chư Phật) tức là bản thể của vũ trụ và nhân sinh, “*dữ chúng sanh thân bình đẳng vô nhị*” (và thân của chúng sanh bình đẳng chẳng hai), Pháp Thân là Lý Thể, “*chúng sanh thân*” là hiện tượng. Sâu la vạn tượng trong mười pháp giới sanh khởi từ nơi nào? Từ Pháp Thân Lý Thể biến hiện. Vì thế, hết thầy vạn pháp, chẳng có pháp nào không bình đẳng. Sự bình đẳng này là chân tướng, sự bình đẳng này là bình thường. Trong hết thầy các pháp, dấy lên bất bình đẳng thì gọi là vọng niệm, là mê. Kinh thường nói: “*Do một niệm bất giác mà có vô minh*”. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giải thích cặn kẽ vấn đề này. Vì sao có một niệm bất giác? Trong Nhất Chân pháp giới, quý vị khởi tâm động niệm, đó là bất giác, là mê. Giác tâm bất động, giác tâm thanh tịnh, giác tâm ly niệm, bất động. Ly niệm là giác, tâm động là mê.

Mê ở chỗ nào? Tìm không thấy, chỗ nào có mê! Khi nào có mê? Do nguyên nhân nào mà có mê? Chẳng có nguyên nhân, cũng chẳng nói được khi nào sẽ mê. Quý vị tìm lúc [bị mê] đó, sẽ chẳng tìm thấy! Vì sao? Nó là hư vọng. Quý vị một niệm giác bèn thành Phật, một niệm mê thì là chúng sanh khổ não. Phật và chúng sanh sai biệt ở chỗ mê hay ngộ. Nay chúng ta muốn giác, chẳng giác được, vì sao chẳng giác được? Tập khí quá nặng, chẳng thể dùng cái tâm thanh tịnh để đối ứng với hoàn cảnh sống, tâm địa luôn ô nhiễm, dơ bẩn. Khởi tâm động niệm là thị phi, nhân ngã, lợi hại, được mất, luôn làm những chuyện ấy. Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã nói về những thứ ấy rất rõ ràng: “*Phàm những gì có tướng đều là hư vọng*”, “*hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Họ muốn làm những chuyện ấy, quý vị nói xem có đáng thương hay không? Thật sự chịu tiếp nhận, thật sự chịu sửa lỗi đổi mới, Phật và thiện tri thức sẽ bằng lòng dạy họ. Vì sao? Người ấy có thể cứu, cứu được! Chẳng thể sửa lỗi, chẳng thể đổi mới, chư Phật, Bồ Tát chẳng dạy kẻ ấy. Vì sao? Dạy uổng công! Chẳng khởi tác dụng, oan uổng! Hao phí tinh thần lẫn công sức, cho nên chẳng dạy! Tuyệt đối chẳng phải là Phật, Bồ Tát, thiện tri thức bất công, chẳng phải vậy! Vì sao [các Ngài] chịu dạy kẻ này, chẳng dạy kẻ kia? Người ta thấy rất rõ rệt, kẻ này sau khi được dạy, sẽ có thể sửa lỗi đổi mới. Kẻ kia có dạy thì vẫn chẳng thể sửa lỗi đổi mới! Vì lẽ này, duyên ở nơi chúng sanh, chẳng phải do phía Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát vô tâm, Phật, Bồ Tát thanh tịnh, bình đẳng. Chúng ta thường nói “*có duyên với Phật*” hay không là ở chỗ này. Hoan hỷ tiếp nhận, nghe xong thật sự chịu làm, đó là hữu duyên. Nghe xong chẳng chịu sửa lỗi, đó là vô duyên.

Vì thế, “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”, Phật chẳng thể độ được! Đã hiểu rõ ý nghĩa của Nhất Hạnh tam-muội, làm thế nào để đạt được?

(Diễn) Dục nhập thị tam-muội giả.

(演) 欲入是三昧者。

(Diễn: Người muốn nhập tam-muội ấy).

Nhập Nhất Hạnh tam-muội, mức độ thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Nhập Nhất Hạnh tam-muội là nhập pháp giới, nói cách khác, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Năng lực của hàng Bồ Tát ấy giống như kinh đã nói: “*Ung dĩ Phật thân nhi đắc độ giả, tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp*” (Nên dùng thân Phật để đắc độ, bèn hiện thân Phật để thuyết pháp). Ngài có năng lực thị hiện tám tướng thành đạo, có năng lực tùy loại hóa thân, trí huệ và thần thông đều tương tự như Phật. Ở đây, Ngài dạy một phương pháp rất đặc biệt để nhập Nhất Hạnh tam-muội.

(Diễn) Ung hệ tâm nhất Phật, chuyên xưng danh tự dã.

(演) 應繫心一佛，專稱名字也。

(Diễn: Hãy nên chuyên tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu Ngài).

Dạy chúng ta, “*phát Bồ Đề tâm, một mực chuyên niệm*” như kinh Vô Lượng Thọ của Tịnh Tông đã nói, chính là Nhất Hạnh tam-muội. Đây là Niệm Phật tam-muội, vua trong các thứ tam-muội, là phương pháp tu hành thù thắng nhất, chuyên xưng danh hiệu.

(Diễn) Tức thị niệm trung, năng kiến quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật giả.

(演) 即是念中，能見過去未來現在諸佛者。

(Diễn: Tức là ngay trong niệm ấy, có thể thấy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật).

Trì danh niệm Phật, niệm đến mức nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn chính là như trong chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Chẳng cậy vào phương tiện, tâm được tự khai*”. “*Tâm khai*” chính là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*” trong Thiền

Tông. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh của Thiên Tông chẳng thể thấy mười phương hết thấy chư Phật, chẳng thấy Phật nhiều ngàn ấy. Nhưng quý vị niệm A Di Đà Phật, [tu tập] pháp môn Di Đà, sẽ thấy vô lượng vô biên chư Phật. Đó là chỗ thù thắng của pháp môn này. Pháp môn này được hết thấy chư Phật Như Lai tán thán là do chỗ này. Đây là chính mình nhập Nhất Hạnh tam-muội, lại được oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Vì thế, pháp giới do người ấy duyên đến sẽ chẳng hai, chẳng khác với Phật, chẳng thể nghĩ bàn!

(Diễn) Tận tri Hằng sa chư Phật pháp giới vô sai biệt tướng dã. Chư Phật Pháp Thân dữ chúng sanh tâm đồng thể vô nhị.

(演) 盡知恆沙諸佛法界無差別相也。諸佛法身與眾生心同體無二。

(Diễn: Biết trọn tướng chẳng sai biệt của chư Phật pháp giới nhiều như cát sông Hằng, Pháp Thân của chư Phật và tâm chúng sanh đồng thể, chẳng hai).

Thấy tướng bình đẳng của mười pháp giới, thật sự bình đẳng, thấy pháp giới đồng thể. Do pháp giới bình đẳng, nên thái độ xử sự, đãi người liền biến đổi, có thể sử dụng tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm đại từ bi để đối đãi hết thấy chúng sanh, người ấy đã thành Phật. Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, tuy chẳng phải là một vị Phật viên mãn rốt ráo, nhưng đã thuộc loại Phần Chứng Phật. Đối với Lục Túc Phật được nói trong tông Thiên Thai, người ấy thuộc địa vị Phần Chứng Phật, chẳng phải là địa vị Tương Tự, chẳng phải là Quán Hạnh hay Tương Tự, mà là Phần Chứng. Đây là vị Phật chân thật, chẳng phải là giả Phật. Do đó, có thể thị hiện tám tướng thành đạo.

(Diễn) Kim dân kiến chúng sanh tâm, bất kiến Phật Pháp Thân giả, dĩ vị năng ly niệm cố.

(演) 今但見眾生心，不見佛法身者，以未能離念故。

(Diễn: Nay chỉ thấy tâm chúng sanh, chẳng thấy Pháp Thân của Phật, vì chưa thể lìa niệm).

Nói tới cảnh giới hiện tiền của chúng ta, chúng ta chỉ thấy tâm chúng sanh, chẳng thấy Pháp Thân của Phật (tức là chẳng thấy cảnh giới bình đẳng), nguyên nhân ở chỗ nào? Chúng ta chẳng lìa khỏi vọng niệm.

“Niệm” ở đây là vọng tưởng và chấp trước như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Chúng ta chẳng thể lìa khỏi vọng tưởng, lìa khỏi chấp trước, nên quý vị là phàm phu, chẳng thấy Pháp Thân. Chẳng thấy Pháp Thân, nói cách khác, quý vị chẳng đạt được Nhất Hạnh tam-muội.

Chúng ta là phàm phu, nghiệp chướng rất nặng, nếu chẳng được Phật pháp hun đúc trong một thời gian dài, sẽ chẳng có cách nào! Thật sự chú trọng sao cho sự hun đúc có sức mạnh, hữu hiệu, từ kinh nghiệm giảng kinh trên giảng đài của bản thân tôi, đó là sự hun đúc có sức mạnh to tát nhất. Vì quý vị muốn lên giảng đài giảng kinh, phải chuẩn bị rất chu đáo. Chúng tôi chưa khai ngộ, đã từng kể với các đồng tu: Thuở đầu, khi tôi học giảng kinh, để lên giảng đài giảng một tiếng đồng hồ, phải chuẩn bị hai mươi tiếng đồng hồ, chẳng dám giải đãi tí nào. Hễ giải đãi thì lên giảng đài sẽ bị mất mặt. Vì vậy, phương pháp này có hiệu quả hơn so với thầy giáo dạy học. Thầy có thể nói qua quít [cho xong buổi giảng], gạt được học trò.

Giảng kinh, dưới tòa có mấy chục, mấy trăm người nghe, chẳng lừa được ai! Nhiều cặp mắt nhìn vào quý vị ngàn ấy, quý vị giảng sai cũng chẳng thể được. Vì thế, phải chuẩn bị rất chu đáo. Gần như là đối với người mới học giảng kinh, quý vị bảo họ giảng mỗi tuần một tiếng rưỡi, gần như họ dành thời gian trọn cả tuần để bận bịu lo toan việc ấy. Ngay cả đêm ngủ cũng mơ thấy đang sửa chữa bài giảng. Chuyên tâm đến mức độ ấy thì gọi là “hun đúc”. Quý vị có thể giảng chẳng gián đoạn, sẽ có lợi cho bản thân không chi lớn bằng, nghiệp chướng tập khí từ vô thủy kiếp sẽ dần dần bất tri bất giác tiêu mất.

[Để đạt đến mức] trên giảng đài có thể vận dụng tùy theo lòng muốn, mọi việc thuận lợi, theo kinh nghiệm của chính tôi, phải mất mười năm. Cho tới nay, tôi đã giảng ba mươi ba năm; do đó, mọi người thấy tôi giảng kinh cũng chẳng cần phải chuẩn bị sẵn, cũng chẳng cần phải đọc tài liệu. Mười năm đầu rất khổ! Năm đầu tiên khổ nhất, đến năm thứ hai, tôi giảng một giờ thì ước chừng mất thời gian chuẩn bị mười giờ là đủ rồi. Đến năm thứ ba, hai giờ là đủ rồi, đến năm thứ tư, thứ năm, tôi chuẩn bị một giờ có thể giảng hai, ba giờ, càng giảng càng thoải mái. Năm Dân Quốc 60 (1971), khi tôi giảng kinh Lăng Nghiêm và Hoa Nghiêm, chuẩn bị một ngày bèn có thể giảng bảy ngày. Hiện thời giảng kinh chẳng cần phải chuẩn bị. Chẳng chịu khổ sẽ không được! Mở đầu khổ nhất, sau khi đã vượt cái ải ấy, sẽ ngày càng dễ dàng, càng ngày càng hoan hỷ. Nghiệp chướng ngày càng ít, tâm ngày càng thanh tịnh, trí huệ ngày càng tăng trưởng. Tu học như vậy thì mới vui sướng, lìa khổ được vui, thật sự đạt được lợi ích nơi

Phật pháp. Đối với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật, trước mắt, phương khác, quá khứ, vị lai đều có thể biết đôi chút. Đó chẳng phải là thần thông, mà giống như là trực giác, tự nhiên có thể biết đôi chút. Người đọc sách thời cổ biết cảnh giới này!

Do vậy, nếu chúng ta muốn gạt gẫm một kẻ bình phàm sẽ dễ dàng. Lừa một kẻ có học thật sự sẽ chẳng dễ dàng, chẳng thể lừa nổi họ. Vì sao? Người ta nhìn vào ánh mắt, nhìn cách quý vị ăn nói, nhìn vào động tác, cát hung họa phúc của cả đời quý vị đều bị người ta nhìn thấy tuốt luốt, quý vị còn chỗ nào để phỉnh phờ họ được nữa? Chẳng phỉnh phờ được ai! Một người có học vẫn trong thế gian mà còn như thế, huống hồ một người thật sự tu hành trong Phật pháp, muốn gạt họ, lẽ nào họ bị mắc lừa? Thật sự là chính mình gạt gẫm chính mình mà thôi! Những bậc cao nhân biết hết, cứ sao chẳng nói? Mỗi người có nhân duyên, quả báo riêng; vì thế, chẳng cần nói, nhìn kẻ đó tạo tác, nhìn thấy hẳn hứng chịu quả báo. Chỉ có khi nào thấy kẻ đó có thể thật sự quay đầu, bèn nhẹ nhàng chỉ điểm cảnh tỉnh. Chỉ điểm mà vẫn chẳng tỉnh, sẽ chẳng nói nữa. Kẻ ấy chẳng ngộ, là người ngu mà! Nguyên nhân là do phiền não chưa đoạn. Chúng ta mong cầu học Phật thì trước hết phải đoạn phiền não, đặc biệt là kẻ phát tâm học giảng kinh, nhất định là trước hết đoạn phiền não, sau đó sẽ học pháp môn. Nếu chẳng đoạn phiền não, sẽ chẳng học pháp môn nên hồn được! Học chẳng tới nơi, những thứ học được toàn là tri kiến dựa trên sự hiểu biết văn tự bề ngoài mà thôi, chẳng đạt được những thứ chân thật trong Phật pháp.

(Diễn) Tu Nhất Hạnh tam-muội giả, niệm Không chân niệm, hoach tự bốn tâm.

(演)修一行三昧者，念空真念，獲自本心。

(Diễn: Người tu Nhất Hạnh tam-muội, niệm Không chính là chân niệm, đạt được bốn tâm của chính mình).

Nói tới cảnh giới. “Niệm Không chân niệm” là câu nói phát xuất từ kinh Lăng Nghiêm. “Bốn tâm” là tự tánh, là minh tâm kiến tánh, là Nhất Hạnh tam-muội. Trong tông này, phương pháp được sử dụng là “một mực xưng niệm”, chuyên niệm một câu A Di Đà Phật. Nhưng khi quý vị niệm, nhất định là buông xuống vạn duyên, như vậy thì mới có thể thành công. Suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, mà suốt ngày từ sáng đến tối vẫn làm chuyện thị phi, nhân ngã, vẫn chẳng buông xuống được, vô dụng! Đây chính là như cổ đức đã nói: “Hết toạc cuống họng vẫn uống công”. Do vậy, trong khi chúng ta niệm Phật, khi đây khởi một câu Phật hiệu này,

buông xuống vạn duyên, tâm địa thanh tịnh, chỉ có một câu Phật hiệu này thì gọi là “công phu”, là niệm Phật chân chánh. Khi niệm Phật, quyết định chớ nên xen tạp. Người niệm Phật còn nghĩ Đông tưởng Tây thì là xen tạp, chẳng thể thành công. Niệm mấy câu Phật hiệu là gieo thiện căn mà thôi. Đời này chẳng đạt được lợi ích. Thầy Lý thường nói: “*Đáng nên sanh tử như thế nào thì vẫn phải sanh tử như thế đó!*” Chẳng có cách nào! Chẳng chuyển nổi nghiệp của quý vị. Vì lẽ này, nhất định phải khởi đầu từ nội tâm. Tu hành là sửa đổi cái tâm, đổi cái tâm hư vọng thành cái tâm chân thành, đổi cái tâm ô nhiễm thành tâm thanh tịnh, đổi cái tâm bất bình đẳng thành tâm bình đẳng. Đó là tu hành. Phải niệm Phật hiệu theo cách như vậy thì mới có thể đạt được hiệu quả, niệm đến mức công phu thành phiền, Sự nhất tâm bất loạn, hoặc Lý nhất tâm bất loạn. Nhất Hạnh tam-muội là Lý nhất tâm bất loạn.

(Diễn) Tác chư Phật Pháp Thân ở trung hiển hiện, như kính trung tượng.

(演)則諸佛法身於中顯現，如鏡中像。

(Diễn: Nên Pháp Thân của chư Phật hiển hiện trong ấy, như hình bóng trong gương).

Khi ấy, tự nhiên quý vị hiểu rõ ràng minh bạch hết thấy Sự, Lý trong tận hư không khắp pháp giới. Vì sao? Tâm quý vị giống như một tấm gương, chiếu kiến đây! Chẳng phải là quý vị mong thấy, mà tự nhiên thấy, chẳng cần mong thấy, không cần tác ý để thấy, tự nhiên thấy.

Gần đây, có một vị đồng tu đến Bắc Kinh ở nửa năm, thân cận lão cư sĩ Hoàng Niệm Tô, đích xác là lão cư sĩ có duyên phận với ông ta. Duyên phận là người ấy có thể tiếp nhận, thật sự hiểu học. Lão cư sĩ dạy người ấy nửa năm, mỗi ngày đều lên lớp, dạy người ấy như học trò. Lão cư sĩ dặn dò người ấy trở về Đài Loan kiếm tôi, người ấy nhắn lại: “Lão cư sĩ nói Đài Loan chẳng có Phật giáo. Phật giáo thật sự ở Đại Lục. Tại Đại Lục, người tu hành thật sự ở trong núi sâu, quý vị chẳng tìm thấy. Phật giáo Đài Loan chỉ có bề ngoài, chẳng có người thật sự tu hành”. Điều này đáng cho chúng ta cảnh giác thật sâu! Học Phật chẳng thể giả vờ được! Pháp thế gian mà giả tạo còn chẳng đáng một đồng; toan giả trá Phật pháp, tội lỗi oan nghiệt nặng nề! Tục ngữ thường nói: “*Địa ngục môn tiền tăng đạo đa*” (Trước cửa địa ngục, tăng đạo đông). Vì sao tăng nhân, đạo sĩ đọa địa ngục? Do họ giả vờ, chẳng tu hành thật sự. Người ấy nói: “Tuy lão cư sĩ không ra khỏi cửa, đối với mỗi đạo tràng tại Đài Loan, thậm chí

hề nhắc tới mỗi vị pháp sư, cụ đều biết”. Quý vị ngẫm xem, có thể nào là có người nói cho cụ biết hay không? Chẳng thể nào có chuyện ấy! Ai có thể đến trước mặt cụ để nói kẻ này hay, kẻ kia dở? [Chuyện gì cũng] đều hiểu rõ ràng, đều biết, đó là tâm địa thanh tịnh tự nhiên chiếu kiến. Vị đồng tu ấy quay về kẻ với tôi, ông ta bội phục lão cư sĩ năm vóc sát đất. Năm nay, lão cư sĩ bảy mươi chín tuổi, đã từng chịu tai nạn rất lớn, chịu đựng rất nhiều nỗi khổ. Tuổi tác cao như thế, chúng tôi vốn tưởng là có người chăm sóc cụ, chẳng có! Nấu cơm, giặt quần áo do chính mình tự làm, chẳng có ai hầu hạ. Thấy vậy, trong tâm tôi thật sự hổ thẹn. Chúng tôi tuổi trẻ mà còn phải có người hầu hạ. Cuộc sống hằng ngày của bậc đại đức như vậy hoàn toàn cậy vào chính mình, chẳng có người nào hầu hạ, rất lỗi lạc!

Chúng ta ở Đài Loan, tôi biết trong quá khứ lão cư sĩ Lý Bình Nam chín mươi bảy tuổi vãng sanh. Trước lúc chín mươi lăm tuổi, cuộc sống của cụ vẫn là tự mình lo liệu, cơm ăn cũng do tự mình nấu. Chỉ đến hai năm cuối cùng, do thể lực đã suy mới cho phép học trò chăm sóc, rất khó có! Nay chúng ta mới chịu khổ một tí đã chẳng muốn học Phật, lấy đâu ra thành công? Học Phật là hưởng phước ư? Vì vậy, thật sự học Phật thì phải học theo hành trạng của những bậc đại đức ấy.

(Diễn) Cổ vân: Chư Phật do như tịnh minh kính.

(演)古云：諸佛猶如淨明鏡。

(Diễn: Cổ nhân nói: - Chư Phật như gương sáng sạch).

Ý nói tâm Phật giống như một tấm gương sáng ngời rất thanh tịnh.

(Diễn) Ngã tâm diệc tự ma-ni châu.

(演)我心亦似摩尼珠。

(Diễn: Tâm ta cũng giống như Ma-ni châu).

“Ma-ni châu” (Cintāmaṇi) tỷ dụ cái tâm thanh tịnh. Tâm Phật thanh tịnh, tâm ta thanh tịnh, chẳng có chướng ngại. Tâm Phật thanh tịnh, nơi Phật chẳng có chướng ngại. Tâm ta chẳng thanh tịnh, ta có chướng ngại, chẳng thể cảm ứng đạo giao. Tâm ta thanh tịnh bèn cùng Phật cảm ứng đạo giao.

(Diễn) Chư Phật thường lai nhập ngã thân.

(演) 諸佛常來入我身。

(Diễn): *Chư Phật thường vào trong thân ta).*

Tám gương sáng này và tám gương kia soi rọi lẫn nhau, trong tâm ta có Phật, trong tâm Phật có ta.

(Diễn) Ngã thân biến nhập chư Phật khu, thị dã.

(演) 我身遍入諸佛軀，是也。

(Diễn): *Thân ta nhập khắp thân chư Phật, là nói lên ý nghĩa này).*

Thân thể của Phật xác thực là như thế. Đây chính là lý do vì sao quý vị có thể thấy hết thấy chư Phật. Cái thấy ấy chẳng phải là mong thấy, chẳng phải là hy vọng được thấy, mà là tự nhiên thấy, đó là “*pháp vốn là như thế đó*”. Đoạn này nhằm giải thích Nhất Hạnh tam-muội.

(Sao) Dục nhập Nhất Hạnh tam-muội giả.

(鈔) 欲入一行三昧者。

(Sao): *Người muốn nhập Nhất Hạnh tam-muội).*

Nếu quý vị muốn niệm Phật đến mức Lý nhất tâm bất loạn (Lý nhất tâm bất loạn là Nhất Hạnh tam-muội).

(Sao) Ung xử không nhàn, xả chư loạn ý.

(鈔) 應處空閒，捨諸亂意。

(Sao): *Hãy nên ở chỗ thanh vắng, bỏ các ý niệm loạn động).*

Hoàn cảnh tu hành rất trọng yếu, nhất định phải có một hoàn cảnh thanh tịnh. Hoàn cảnh thanh tịnh chẳng bị ai quấy nhiễu. Cổ nhân thường nói: “*Ninh động thiên giang thủy, bất động đạo nhân tâm*” (Thà khuấy nước ngàn sông, chẳng động tâm người tu hành). Một người đang tu hành, nếu chúng ta nhiễu loạn, phá hoại người ấy, tội lỗi là đọa địa ngục, tạo tội nghiệp địa ngục. Đối với người tu hành, quyết định chẳng nhiễu loạn họ, quyết định chẳng phá hoại hoàn cảnh tu học của họ, điều này rất trọng yếu. Vì sao? Thường là bản thân chúng ta tạo tội nghiệp địa ngục mà chính mình chẳng biết. Một người đang dụng công, chúng ta liêu mạng làm khó dễ họ. Trừ phi thật sự bất đắc dĩ, hãy để cho người ấy khéo dụng công, hoặc là đối với công việc, ta bằng lòng làm nhiều hơn một chút thay cho

người ấy. Đấy chính là tự mình tu đại phước báo, vì sao? Quý vị thành tựu người khác dụng công, đó là tu đại phước báo. Phá hoại thì chính mình tạo tội rất nặng, nhất định phải biết điều này. Vì thế, hại người thật ra là hại chính mình, chẳng hại ai khác. Người khác bị tổn thương ít, chính mình bị tổn hại to lớn, chẳng tương xứng! Chính mình tạo cái nhân địa ngục, còn làm sao được nữa! Một người thật sự tu đạo, thấy kẻ khác dụng công, sẽ chấp tay hoan hỷ tán thán, tu tùy hỷ công đức. Hoàn cảnh thanh tịnh là một nhân duyên trợ đạo thù thắng. “*Xả chư loạn ý*”: Tâm phải thanh tịnh, phải buông xuống vạn duyên, phải chuyên tâm tinh tấn.

(Sao) Bất thủ tướng mạo, hệ tâm nhất Phật, chuyên xưng danh tự.

(鈔)不取相貌，繫心一佛，專稱名字。

(Sao: Chẳng giữ lấy tướng mạo, chuyên tâm nơi một đức Phật, chuyên xưng danh hiệu Ngài).

Chuyên môn niệm Phật hiệu, chẳng cần thêm quán tưởng, đây là chánh tu. Nhưng có những kẻ nghiệp chướng tập khí rất nặng, niệm câu Phật hiệu mà tâm vẫn chẳng thể định, bèn thêm vào đôi chút quán tưởng, hoặc là tưởng hoa sen, hoặc tưởng nhục kế của Phật, hay tưởng tướng hảo của Phật. Quán tưởng như vậy, vọng niệm của người ấy ít hơn thì được. Đó là trợ tu, dùng để phụ trợ thì được. Đợi cho đến khi tâm thanh tịnh, chẳng cần quán tưởng nữa.

“*Chuyên xưng danh hiệu*”, đó là đúng. Dùng quán tưởng để tạm thời đối trị thì có thể sử dụng; nếu tâm địa đã thanh tịnh, chẳng cần phải kèm thêm quán tưởng.

(Sao) Tùy Phật phương sở, đoan thân chánh hướng.

(鈔)隨佛方所，端身正向。

(Sao: Tùy theo nơi chốn của đức Phật mà thân đoan chánh, hướng thẳng về đó).

Kinh đã giảng rất rõ ràng: A Di Đà Phật ở phương Tây của thế giới này. Vì thế, người niệm Phật chúng ta, bất luận ngồi hay đứng, đều hướng về phương Tây, như vậy thì cảm ứng sẽ nhanh chóng. Nói chung, khiến cho quý vị niệm niệm chẳng quên Tây Phương. “*Tùy Phật phương sở*”: Niệm Dược Sư Như Lai liên xoay mặt về phương Đông, ngồi hay đứng

đều hướng về phương Đông thì mới đạt được cảm ứng. Niệm A Di Đà Phật liền ngoảnh mặt về phương Tây.

(Sao) Năng u nhất Phật niệm niệm tương tục.

(鈔)能於一佛念念相續。

(Sao: Có thể đối với một đức Phật niệm niệm liên tục).

“Niệm niệm liên tục” là chẳng gián đoạn, “bất thủ tướng mạo” (chẳng giữ lấy tướng mạo) là không xen tạp. Thật sự có thể chẳng xen tạp, không gián đoạn, há lẽ nào chẳng thành công?

(Sao) Tức thị niệm trung, năng kiến quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật.

(鈔)即是念中，能見過去未來現在諸佛。

(Sao: Ở ngay trong niệm ấy, có thể thấy quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật).

Sách Diễn Nghĩa đã giảng điều này.

(Sao) Niệm nhất Phật công đức, dữ niệm vô lượng Phật công đức vô nhị.

(鈔)念一佛功德，與念無量佛功德無二。

(Sao: Công đức niệm một đức Phật và công đức niệm vô lượng chư Phật chẳng hai).

Biết sự thật này, nỗi nghi hoặc của chúng ta sẽ đoạn trừ. Tét đến, Phật đường vẫn phải lay ba ngàn vị Phật², các vị thích lay cứ lay! Tôi cũng chẳng nói câu nào! Đã thật sự hiểu rõ, ba ngày ấy chuyên lễ A Di Đà Phật. Đây là một đạo tràng chuyên tu Tịnh Tông, mỗi ngày lễ sáu trăm lay, lễ cả sáu trăm lay đều là lay A Di Đà Phật. Tôi nghe nói pháp hội Thanh Minh năm nay, quý vị niệm kinh Vô Lượng Thọ, đó là đúng. Mọi người

² Tức là Thiên Phật Danh Kinh gồm ba bản kinh ghép lại, tức là Quá Khứ Trang Nghiêm Kiếp Thiên Phật Danh Kinh, Hiện Tại Hiền Kiếp Thiên Phật Danh Kinh, và Vị Lai Tinh Tú Kiếp Thiên Phật Danh Kinh. Ba kinh ấy ghi chép tên các vị Phật trong ba kiếp quá khứ, hiện tại và vị lai. Không rõ tên người dịch. Chỉ biết kinh được dịch vào đời Lương (502-557). Phật môn Trung Hoa thường lay Tam Thiên Phật hoặc kinh Vạn Phật vào dịp Tết.

đã kiến lập nhận thức chung, có thể đề xướng. Vẫn phải niệm kinh Địa Tạng, vẫn phải lạy Lương Hoàng Sám, hoặc Thủy Sám, tức là mọi người chưa nhận thức rõ ràng. Giảng kinh ấy đã lâu như thế, mọi người hiểu rõ, giác ngộ, pháp hội này chúng ta niệm kinh Vô Lượng Thọ. Hy vọng thật sự giác ngộ, minh bạch, đến Tết năm tới, chẳng phải là lạy một ngàn vị Phật hay một vạn vị Phật, mà là lạy A Di Đà Phật, mỗi ngày lễ sáu trăm lạy. Lạy năm ngày bèn lễ được ba ngàn lạy.

Thật ra, sáu trăm lạy chẳng nhiều. Thuở tôi vừa mới học Phật ở Bộ Lý, mỗi ngày tôi lễ tám trăm lạy. Tôi còn rất nhiều việc phải làm, sống trong núi Bộ Lý, tám giờ tối đi ngủ, hai giờ rưỡi sáng thức dậy, ba giờ sáng là khóa sáng. Khóa sáng tôi lễ Phật ba trăm lạy. Sau khi lạy xong, bèn nấu cơm sáng. Tôi ở trên núi với pháp sư Sám Vân³, công việc trong bếp do mình tôi làm. Ăn cơm sáng xong, dọn dẹp chung quanh xong xuôi bèn tụng kinh. Giữa trưa, sau khi ăn trưa xong, bèn lạy hai trăm lạy, sau buổi cơm chiều bèn lạy ba trăm lạy, một ngày lễ tám trăm lạy. Người chẳng đi làm thông thường mỗi ngày lễ ba ngàn lạy, đó là chuyên tu lễ Phật. Lễ Phật cũng là một pháp môn tu hành. Vì thế, học Phật đừng sợ vất vả, sợ vất vả là sai lầm. Do vậy, công đức niệm một vị Phật và công đức niệm vô lượng chư Phật chẳng hai, chẳng khác.

(Sao) A Nan sở văn Phật pháp, do trụ lượng số.

(鈔)阿難所聞佛法，猶住量數。

(Sao: Phật pháp do ngài A Nan đã được nghe vẫn còn hạn cuộc trong số lượng).

³ Pháp sư Sám Vân (1915-2009), họ Tào, pháp danh Thành Không, người xứ Đông Bắc, sanh quán gần sông Áp Lục (tức biên giới Trung Hoa và Đại Hàn). Sư tinh chuyên giới luật, có chí nguyện tuyên dương Tịnh Tông, sáng lập chùa Liên Nhân. Sư từng du học tại Nhật Bản, theo học ngành mỹ thuật. Đến năm 24 tuổi, bắt đầu học Phật, 26 tuổi thọ Ngũ Giới. Năm 30 tuổi, Sư xuất gia tại chùa Quảng Tế ở Bắc Kinh, theo học tại Trung Quốc Phật Giáo Học Viện suốt bốn năm. Năm 1948, Sư xuống Phước Châu y chỉ pháp sư Từ Châu học Duy Thức. Năm 1949, sang Đài Loan. Sư tạo dựng Ấn Hoàng Mao Bồng tại núi Quán Âm, trấn Bộ Lý. Do ngôi chùa này bị nạn lụt tàn phá, nên năm 1963, Sư cùng đệ tử là pháp sư Tánh Nhân dựng chùa Liên Nhân tại làng Thủy Lý cũng thuộc huyện Nam Đầu và trụ tại đó cho tới khi tịch. Năm 1966, Sư sáng lập Đại Chuyên Thanh Niên Trai Giới Học Hội nhằm đề xướng, hướng dẫn thanh niên tu Bát Quan Trai Giới, tổ chức các khóa tu Bát Quan Trai Giới tại nhiều nơi. Chùa Liên Nhân quy củ rất nghiêm, sau bốn giờ chiều, nữ giới không được lưu lại chùa. Trong các khóa tu, Sư chuyên giảng Tịnh Độ, đề xướng Niệm Phật và dùng lễ Phật như một phương tiện sách tấn tu hành, vun bồi công đức.

Tôn giả A Nan làm thị giả của Thích Ca Mâu Ni Phật, một mực hầu hạ cho đến khi Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt. Có thể nói Phật pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong suốt một đời, tôn giả thấy đều nghe, nhưng vẫn là có số lượng.

(Sao) Nhược đắc Nhất Hạnh tam-muội, chư kinh pháp môn, nhất nhất phân biệt, giai tất liễu tri, trú dạ tuyên thuyết, trí huệ biện tài, chung bất đoạn tuyệt.

(鈔)若得一行三昧，諸經法門，一一分別，皆悉了知，晝夜宣說，智慧辯才。終不斷絕。

(Sao: Nếu đắc Nhất Hạnh tam-muội, pháp môn trong các kinh mỗi mỗi đều phân biệt, thấy đều biết trọn vẹn, ngày đêm tuyên nói, trí huệ, biện tài trọn chẳng ngưng dứt).

Nếu quý vị thật sự đắc Niệm Phật tam-muội, sẽ khác hẳn, tâm khai ý giải, trong Giáo Hạ gọi là “đại khai viên giải”, hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian đều thông đạt, đều hiểu rõ.

(Sao) A Nan đa văn biện tài, bách thiên đẳng phần, bất cập kỳ nhất.

(鈔)阿難多聞辯才，百千等分不及其一。

(Sao: Sự đa văn và biện tài của ngài A Nan chẳng sánh bằng một phần trăm, một phần ngàn v.v...).

Chẳng thể so sánh! Quý vị mới biết công đức thâm nhập chuyên tu một môn là bậc nhất. Thật vậy đó!

(Sao) Long Thọ.

(鈔)龍樹。

(Sao: Ngài Long Thọ).

Tức Long Thọ Bồ Tát.

(Sao) Tỳ Bà Sa Luận vân: “Phật pháp hữu vô lượng môn, như thế gian đạo, hữu nan, hữu dị, dị hành tật chí”.

(鈔)毗婆沙論云：佛法有無量門，如世間道，有難有易，易行疾至。

(Sao: [Đã viết] trong Tỳ Bà Sa Luận như sau: “Phật pháp có vô lượng môn, giống như đường nẻo trong thế gian, có dễ, có khó, [có con đường đi] dễ dàng mà tới nơi nhanh chóng”).

Pháp môn Niệm Phật là “*dị hành đạo*” (đạo dễ hành), có thể thành tựu rất nhanh.

(Sao) Ứng đương niệm Phật, xưng kỳ danh hiệu, A Di Đà Phật bốn nguyện như thị.

(鈔)應當念佛，稱其名號，阿彌陀佛本願如是。

(Sao: Hãy nên niệm Phật, xưng danh hiệu Ngài, bốn nguyện của A Di Đà Phật là như vậy đó).

Từ ba kinh, chúng ta thấy bốn nguyện của Phật Di Đà, đặc biệt là phần bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ, có thể y giáo phụng hành, đây chính là thiện căn và phước đức thật sự chín muồi. Hôm nay chúng tôi giảng tới chỗ này.